

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng Bộ tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3115/BTTTT-CVT ngày 02/8/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023-2025 của địa phương;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2025 như sau:

**PHẦN I
HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG SỐ**

(tính đến ngày 30/6/2023)

1. Hạ tầng viễn thông

a) Mạng viễn thông băng rộng di động

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 68,69.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 73,6%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 89%.
- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 42,5 Mb/s.
- Số lượng thôn, bản được phủ sóng băng rộng di động: 1355/1355.
- Số lượng thôn, bản chưa được phủ sóng băng rộng di động: 0/1355.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 16%.

b) Mạng viễn thông băng rộng cố định

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 20,62.
- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 70,28%.
- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 96,12 Mb/s.
- Số lượng thôn, bản đã có hạ tầng cáp quang băng rộng cố định (FTTH): 1355/1355.
- Số lượng thôn, bản còn chưa có cáp quang băng rộng cố định: 0/1355.

c) Các hạ tầng viễn thông có liên quan khác trên địa bàn

- Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng: 100%.
- Hạ tầng IoT (*camera giao thông thông minh, ...*): 01 hệ thống giao thông thông minh, giám sát tự động bằng camera.

2. Hạ tầng Trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây

Trung tâm dữ liệu tỉnh đã cơ bản hoàn thành các cấu phần chính; Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đã hoàn thành đầu tư hệ thống phần mềm lõi và máy chủ phục vụ cài đặt phần mềm (giai đoạn 1); Cổng dữ liệu tỉnh đã được xây dựng, hình thành và đã công khai dữ liệu mở cho 11 lĩnh vực. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã kết nối với nền tảng quốc gia và phát huy hiệu quả với số lượng giao dịch cao.

3. Hạ tầng công nghệ số

Hiện trạng hạ tầng công nghệ (AI, blockchain, IoT) chưa triển khai.

4. Nền tảng số có tính chất hạ tầng

Hiện trạng triển khai các nền tảng số có tính chất hạ tầng:

- Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ.
- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm:

- Hạ tầng viễn thông băng rộng được quan tâm, đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số. Internet cáp quang hộ gia đình tăng trưởng khá; Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Nền tảng kết nối chia sẻ dữ liệu LGSP được triển khai cùng với các nền tảng cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã và đang được triển khai đáp ứng được yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

-

- Năm 2022, chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh xếp hạng 21/63 tỉnh, thành, góp phần quan trọng trong việc nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Cải cách hành chính, Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

5.2. Tồn tại, nguyên nhân:

- Tỷ lệ dùng chung hạ tầng viễn thông, hạ tầng kỹ thuật liên ngành còn thấp, lý do bởi chưa có sự phối hợp giữa các doanh nghiệp viễn thông với nhau và với các tổ chức, doanh nghiệp quản lý hạ tầng kỹ thuật liên ngành khác như điện, nước, giao thông, chiếu sáng.

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng IoT, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số và nền tảng số có tính chất hạ tầng còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, nhu cầu phát triển của tỉnh.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ GIAI ĐOẠN 2023- 2025

I. QUAN ĐIỂM

Hạ tầng số là hạ tầng của nền kinh tế, được nhà nước ưu tiên phát triển và bảo vệ. Phát triển đồng bộ: Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ. Hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) băng rộng, siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Hạ tầng số được phát triển nhanh, phát triển trước phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh, đồng thời cụ thể hoá và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra trong Quyết định số 749/QĐ-TTg và Nghị quyết số 01-NQ/TU.

2. Yêu cầu

- Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ.

- Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng

điện toán đám mây và các nền tảng số.

- Phát triển hạ tầng số đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể.

- Hạ tầng số phát triển an toàn, tin cậy, góp phần tạo lập niềm tin số.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số để phục vụ chuyển đổi số và dẫn dắt phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Phát triển hạ tầng số tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế đặc biệt là nền kinh tế số, kinh tế nền tảng số.

c) Phát triển hạ tầng số với năng lực, chất lượng cao, băng thông rộng tương đương các nước phát triển trên thế giới, đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Mục tiêu đến năm 2025:

a) Hạ tầng viễn thông băng rộng

Ngoài mục tiêu theo Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đến năm 2025:

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng đối với các vị trí trạm BTS xây dựng mới đạt trên 30%.

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 80%

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 85%

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 93%

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 25%

- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 80%

b) Hạ tầng điện toán đám mây

- 100% cơ quan quản lý nhà nước dùng hệ sinh thái điện toán đám mây phục vụ Chính phủ số.

- 70% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây hoặc dịch vụ được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

- Trung bình mỗi người dân có 1 tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây hoặc dịch vụ được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây.

c) Hạ tầng công nghệ số

- Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain), Internet vạn vật (IoT) bước đầu thâm nhập vào nhiều lĩnh vực kinh tế và xã hội.

- Triển khai công nghệ AI, Blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số của tỉnh, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

d) Nền tảng số có tính chất hạ tầng

Hình thành hệ sinh thái nền tảng số đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số, được sử dụng sâu rộng để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, góp phần quan trọng để đạt được các chỉ tiêu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Cơ chế, chính sách

- Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet,...trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch của doanh nghiệp.

- Xây dựng chính sách/quy định ưu tiên ứng dụng điện toán đám mây trong triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hiện chuyển đổi số của tỉnh trên các cơ quan thông tấn, báo chí trung ương, địa phương; nâng cao nhận thức của toàn xã hội trong việc thực hiện chuyển đổi số phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin cơ sở, truyền thông qua mạng xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân khi triển khai phát triển hạ tầng số, trạm BTS công nghệ mới.

3. Phát triển các hạ tầng viễn thông băng rộng

Nhiệm vụ và giải pháp theo Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng, phát triển các trung tâm dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

- Tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây vào các hệ thống thông tin phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng dịch vụ điện toán đám mây do các doanh nghiệp trong nước cung cấp.

5. Phát triển hạ tầng công nghệ số

- Phát triển hạ tầng công nghệ số, ưu tiên công nghệ AI, Blockchain, IoT, đáp ứng yêu cầu ứng dụng chính phủ số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng cảm biến, mạng đáng tin cậy, phần mềm và phần cứng cũng như các công nghệ khác phục vụ thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, để dữ liệu trở thành yếu tố đầu vào sản xuất mới.

- Tích hợp AI, Blockchain, IoT, Bigdata, Cloud Computing tạo ra một hạ tầng công nghệ số an toàn, có thể kiểm soát và tương thích.

- Tăng cường quản lý quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ số có giá trị cao. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác thiết lập một cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhóm bằng sáng chế công nghệ số, liên minh sở hữu trí tuệ công nghệ số và các mô hình khác.

- Hệ sinh thái hạ tầng công nghệ AI, blockchain, IoT được hình thành. AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số quốc gia và năng lực quản trị.

- Công nghệ số AI, Blockchain, IoT trở thành nền tảng để xây dựng sức mạnh sản xuất và sức mạnh không gian mạng, phát triển kinh tế số và hệ thống quản trị số quốc gia và năng lực quản trị số.

6. Phát triển nền tảng số có tính chất hạ tầng

- Nền tảng số là hệ thống giao dịch điện tử, sử dụng công nghệ số để tạo môi trường mạng cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tương tác, giao dịch, cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa, có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt, các bên tham gia không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đám mây của cơ quan nhà nước phục vụ quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu khai thác của người dân, doanh nghiệp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ngân sách nhà nước được đảm bảo để phục vụ các hoạt động do các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh chủ trì thực hiện theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ngoài các nhiệm vụ được giao tại Mục IV, Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp thực hiện một nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này; tham mưu các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về nội dung kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Ninh Bình.

- Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông, triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (DII).

- Là đầu mối tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch này. Kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình.

2. Sở Xây dựng

Hỗ trợ phát triển, tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình xây dựng dân dụng (tòa nhà, chung cư,...). Thực hiện việc cấp phép xây dựng các công trình xây dựng thuộc hạ tầng số theo phân cấp và theo các quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

5. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

6. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng, bảo đảm quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chỉ đạo UBND các cấp xã, phường, thị trấn trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn quản lý.

- Hỗ trợ phát triển hạ tầng số: Cắt giảm thủ tục hành chính; bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông, hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

- Thực hiện việc cấp phép xây dựng các công trình xây dựng thuộc hạ tầng số theo phân cấp và theo các quy định hiện hành.

7. Báo Ninh Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình

- Tăng cường thông tin tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, chung tay xây dựng cùng các cấp chính quyền.

- Xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh trong các chương trình về chuyển đổi số.

8. Các doanh nghiệp viễn thông, Internet; doanh nghiệp cung cấp trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; doanh nghiệp cung cấp hạ tầng công nghệ số; doanh nghiệp chủ quản nền tảng số

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Tuân thủ các hướng dẫn, yêu cầu của địa phương trong hoạt động phát triển hạ tầng số.

- Đẩy mạnh sử dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng công nghệ AI, Blockchain, IoT trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp các số liệu liên quan theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông để phục vụ thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo đánh giá phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2025, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông, Internet trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) về kết quả phát triển hạ tầng số./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Đài PTTH NB, Báo NB;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Các doanh nghiệp Viễn thông, Internet;
 - Lưu: VT, các VP.
- HP_VP6_09.KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Quang Thìn